TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ-TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **99**/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 18 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Ngô Minh H, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1982; Cùng trú tại: Tổ 96, nH A, phòng 106, chung cư VMQ, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MT, quận S, TP Đà Nẵng. Chúng tôi sống với nhau không hạnh phúc và kéo dài cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chúng tôi không cùng quan điểm nên thường xảy ra tranh cãi, lục đục. Nay về tình cảm không còn nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ xác định có 03 con chung là Ngô Minh K, sinh ngày 28.8.2006; Ngô Minh Kh, sinh ngày 04.11.2009; Ngô Minh C, sinh ngày 11.8.2012. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung, bà Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Ông H và bà Đ không yêu cầu giải quyết

[4] *Nợ chung:* Ông H và bà Đ khai nhận không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) Ông Ngô Minh H và Bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh, (ngày 10.5.2023) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 07.4.2006 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ xác định có 03 con chung là Ngô Minh K, sinh ngày 28.8.2006; Ngô Minh Kh, sinh ngày 04.11.2009; Ngô Minh C, sinh ngày 11.8.2012. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung Ngô Minh K, sinh ngày 28.8.2006; Ngô Minh Kh, sinh ngày 04.11.2009; Ngô Minh C, sinh ngày 11.8.2012 đến tuổi trưởng tHnh.

Bà Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông H và Bà Đ không yêu cầu

1.4. Về nợ chung: Ông H và Bà Đ xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) Ông Ngô Minh H và Bà Nguyễn Thị Anh Đ phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003683 ngày 24.04.2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Anh Đ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 02 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Mân Thái, Q Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy